

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỘI AN
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12-4-2024.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỘI AN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1) Bà Huỳnh Thị Kim Oanh.

2) Ông Võ Nễ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ba, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Bông, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 165/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 1971. (Có mặt)

Địa chỉ: 41 N, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Duy L, sinh năm 1970. (Vắng mặt)

Địa chỉ: 41 N, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2023, bản trình bày ý kiến ngày 14/11/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Vân A trình bày:

Bà và ông Nguyễn Duy L kết hôn vào ngày 16/12/1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của cả hai bên gia đình. Sau khi kết hôn, bà Nguyễn Thị Vân A vẫn tiếp tục sống với bố mẹ ruột. Ông Nguyễn Duy L là bộ đội Biên phòng nên sống và làm việc ở đơn vị.

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng rất hạnh phúc. Đến năm 2011, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng theo bà A trình bày là do ông L không có trách nhiệm với gia đình và vợ

con, phát sinh nợ nần. Hai bên cũng đã nhiều lần hoà giải, hàn gắn; bà A cũng muốn cho ông L cơ hội để cùng nhau vun đắp, nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, sau một thời gian đoàn tụ, tiếp tục chung sống không được bao lâu, tình trạng hôn nhân vợ chồng bà lại mâu thuẫn như cũ. Bà Nguyễn Thị Vân A nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn cách khắc phục. Do đó, bà A cương quyết xin ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (Hai) con chung:

- Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 05/12/1998, đã trưởng thành.
- Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 26/02/2008.

Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Vân A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ngọc H và không yêu cầu ông L cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản trình bày ý kiến ngày 20/11/2023, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn, ông Nguyễn Duy L trình bày:

Hai vợ chồng kết hôn với nhau vào ngày 16/12/1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của cả hai bên gia đình.

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng rất hạnh phúc. Sau đó vài năm, mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do ông L ít quan tâm đến gia đình. Ông Nguyễn Duy L mong muốn vợ chồng đoàn tụ, cùng chăm lo cho tương lai các con và cam kết sẽ quan tâm, chăm sóc chu đáo cho gia đình hơn. Ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng ông có 02 (Hai) con chung như bà A trình bày. Trường hợp vợ chồng không thể hàn gắn, ông đồng ý giao con Nguyễn Thị Ngọc H cho bà A trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật, vắng mặt tại phiên hòa giải lần thứ hai, vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do dù đã được tổng đạt hợp lệ. Vì vậy, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị Vân A được ly hôn với ông Nguyễn Duy L. Về con chung, giao cháu Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 26/02/2008 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng; ông L không cấp dưỡng

nuôi con; ông L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị Vân A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Vân A khởi kiện yêu cầu xin ly hôn ông Nguyễn Duy L; ông L cư trú tại 41 N, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Trước khi mở phiên tòa, Tòa án đã tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Nguyễn Duy L. Tại phiên tòa, ông L vắng mặt, không có lý do. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố H căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Vân A và ông Nguyễn Duy L kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố H vào ngày 16/12/1996 (*Giấy chứng nhận kết hôn số: 32/96*) nên hôn nhân của họ là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do ông L không có trách nhiệm với gia đình và vợ con. Từ đó ảnh hưởng lớn đến tình cảm vợ chồng. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, bà A gửi đơn xin ly hôn. Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành hòa giải, mặc dù ông L có thiện chí mong muốn đoàn tụ cùng vợ con, cam kết sẽ quan tâm, chăm lo chu đáo cho gia đình hơn nhưng bà Nguyễn Thị Vân A xác định không còn tình cảm với ông Nguyễn Duy L và tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà A và ông L đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Vân A theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà A và ông L có 02 (*Hai*) con chung: Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 05/12/1998 (*đã trưởng thành*) và Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 26/02/2008.

Bà A có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Ngọc H và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Ông L cũng thống nhất trường hợp vợ chồng không đoàn tụ được thì giao cháu H cho bà A nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà A đã được giải thích về quy định của pháp luật đối với người không trực tiếp

nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đến khi con thành niên nhưng bà vẫn không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Tại văn bản ngày 10/7/2023, cháu H có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Nguyễn Thị Ngọc H cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Duy L không phải cấp dưỡng nuôi con là đúng quy định và phù hợp với nguyện vọng của các cháu.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Vân A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Vân A chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1) Về Quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Vân A được ly hôn ông Nguyễn Duy L.

2) Về con chung: có 02 (Hai) con chung tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 05/12/1998 (*đã trưởng thành*) và Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 26/02/2008.

Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc H cho bà Nguyễn Thị Vân A trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Duy L không cấp dưỡng nuôi con.

Ông L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3) Án phí: Án phí Hôn nhân - gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Vân A phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0007819 ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

Bà Nguyễn Thị Vân A đã nộp đủ án phí.

Bà Nguyễn Thị Vân A có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án (12/4/2024). Ông Nguyễn Duy L có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thành phố Hội An;
- Chi cục THA DS thành phố Hội An;
- UBND phường Sơn Phong, TP Hội An
(Số: 32/96, ngày 16/12/1996);
- Thành phần tham gia tố tụng;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Thị Bích Hà